

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU  
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ State Securities Commission of Vietnam

To: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange

Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Inve.

- Tên quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF KIM GROWTH VN30/ KIM GROWTH VN30 ETF  
- Mã chứng khoán/Securities symbol: **FUEKIV30**  
- Tên Công ty Quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/  
Fund Management company: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.  
- Tên Ngân hàng giám sát/ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/  
Supervisory Bank: Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam  
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: **26/06/2023**  
- Đơn vị tính lô ETF/ Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/  
1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2023

Ho Chi Minh City, June 27, 2023

**ANNOUNCEMENT AFTER  
EXCHANGE TRADING**

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
<b>I. Chứng khoán/ Securities</b>			
1	ACB	2,200	6.51%
2	BCM	100	1.09%
3	BID	100	0.60%
4	BVH	100	0.61%
5	CTG	500	1.98%
6	FPT	600	6.90%
7	GAS	100	1.29%
8	GVR	100	0.26%
9	HDB	1,200	3.02%
10	HPG	2,100	7.21%
11	MBB	1,600	4.37%
12	MSN	400	4.18%
13	MWG	700	4.06%
14	NVL	600	1.18%
15	PDR	200	0.46%
16	PLX	100	0.51%
17	POW	400	0.74%
18	SAB	100	2.12%
19	SSI	600	2.11%
20	STB	1,200	4.91%
21	TCB	1,400	6.22%
22	TPB	900	2.25%
23	VCB	300	4.05%
24	VHM	700	5.30%
25	VIB	1,000	2.70%
26	VIC	800	5.62%
27	VJC	200	2.56%
28	VNM	600	5.60%
29	VPB	3,200	8.74%
30	VRE	600	2.18%
<b>II. Tiền/ Cash</b>			
	Tiền/ Cash (VND)	5,108,988	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value: (VND)

734,825,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF: (VND)

739,933,988

- Giá trị chênh lệch/ Spread in value: (VND)

5,108,988

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the spread

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại

Receive cash component after subtracting tax and redemption fee



Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ In case stock can be replaced by cash:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ Cash Substitution per share (VND)	Đối tượng áp dụng/ Applied to	Lý do/ Reason
1	ACB	21,900	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	44,300	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
3	BVH	45,100	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
4	FPT	85,100	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	20,200	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	42,900	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
7	SSI	26,000	SSI	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
8	TCB	32,900	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
9	TPB	18,500	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
10	VIB	19,950	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	20,200	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

- Các chỉ tiêu khác/ Other criteria:

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ This period (*)	Kỳ trước/ Last period (**)	Chênh lệch/ Difference
	26/06/2023	23/06/2023	
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation units issued			-
2. Số lô đã mua lại/ Creation units redeemed			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding shares	43,000,000	43,000,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ Closing price	7,380.00	7,350.00	30.00
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net asset value at valuation date			
của quỹ ETF/ of the Fund	318,171,614,994	315,609,623,062	2,561,991,932
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF creation unit	739,933,988	733,975,867	5,958,121
của 1 CCQ/ per Share	7,399.33	7,339.75	59.58
6. Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,131.23	1,126.76	4.47

(\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 25/06/2023 / Item 5 is net asset value at 25/06/2023

(\*\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 22/06/2023 / Item 5 is net asset value at 22/06/2023

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ

Authorised Representative of Fund Management Company



**Kim Hang Jin**  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

